| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NĂM CĂN**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 99/2018/QĐST-HNGĐ | *Năm Căn, ngày 29 tháng 08 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 183/2018/TLST/HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.

*Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1984.

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, khoản 1 Điều 59, Điều 81, Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 08 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M thuận tình ly hôn với nhau.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên

+ Nguyễn Yến T, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2006 (nữ);

+ Nguyễn Chí G, sinh ngày 25 tháng 09 năm 2009 (nam).

Các người con đang sống cùng với gia đình. Khi ly hôn bà T, ông M tự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng cho con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Gồm 02 lượng vàng 24K, hiện nay ông M đang quản lý. Khi ly hôn bà T, ông M mỗi người được sở hữu ½ tài sản chung bằng 01 (một)

lượng vàng 24K. Ông M có trách nhiệm giao cho bà T 01 lượng vàng 24K mà ông đang quản lý.

- Về công nợ: Bà T, ông M tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch các đương sự chịu 50% (bà T, ông M mỗi người nộp 75.000 đồng), bà T đồng ý chịu toàn bộ án phí bằng 150.000 đồng.

+ Án phí chia tài sản: Bà T, ông M phải chịu 50% án phí có giá ngạch 5%; bà T, ông M mỗi người nộp 845.000 đồng.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, bà T đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 1.172.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0016035 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, sau khi đối trừ bà T được nhận lại 177.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Phan Diệu Hiền**